ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 109 /TTr-UBND	*Vĩnh Châu, ngày 13 tháng 09 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thuộc ngân sách thị xã Vĩnh Châu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thuộc ngân sách thị xã Vĩnh Châu;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1384-TB/TU ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ban Thường vụ thị ủy Vĩnh Châu.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu xem xét điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thuộc ngân sách thị xã Vĩnh Châu, với tổng kế hoạch vốn tăng, giảm 17.532.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách thị xã tăng, giảm: 14.920.000.000 đồng.

- Vốn thu tiền sử dụng theo phân cấp tăng, giảm: 2.612.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình trước kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Liêm

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.

Số: 109/TTr-UBND
Thời gian ký: 13/09/2024 16:44:20 +07:00

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, THỊ XÃ VĨNH CHÂU

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thi xã Vĩnh Châu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 - 2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 đến năm 2025 (sau khi điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng số						**303.372**	**273.522**	**225.673**	**225.673**	**17.532**	**17.532**	**225.673**	
A	**VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**					**213.919**	**193.285**	**176.473**	**176.473**	**14.920**	**14.920**	**176.473**	
A.1	**NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUẢN LÝ**					**193.059**	**172.425**	**155.613**	**155.613**	**8.920**	**14.920**	**149.613**	
I	**Giao thông**					**116.579**	**113.595**	**100.266**	**100.266**	**8.808**	**6.900**	**102.174**	
a	**Dự án chuyển tiếp**					**12.838**	**12.838**	**7.128**	**7.128**	**6**	**199**	**6.935**	
1	Nâng cấp, mở rộng lộ Tân lập - Tân Tinh	Vĩnh Hiệp	954,1m	2020-2021	2048/QĐ-UBND, ngày 17/10/2019	2.671	2.671	640	640	6		646	
2	Đường Dù Hiên - Giầy Lăng	Hoà Đông	2.500m	2020-2021	2051/QĐ-UBND, ngày 10/10/2019	3.950	3.950	1.405	1.405		-	1.405	
3	Nâng cấp hệ thống thoát nước trung tâm xã Hòa Đông	Hoà Đông	717,5m	2020-2022	1822/QĐ-UBND, ngày 25/08/2020	2.592	2.592	1.027	1.027		-	1.027	
4	Các cầu trên tuyến đường Dù Hiên - Giầy Lăng	Hòa Đông	252,7m	2020-2022	1840/QĐ-UBND, ngày 27/08/2020	3.625	3.625	2.256	2.256	-	199	2.057	
5	Đường huyện 12 (Quy hoạch ĐT 936)	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Phước	3.272m	2021-2023	4174/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020			1.800	1.800		-	1.800	
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**					**103.741**	**100.757**	**93.138**	**93.138**	**8.802**	**6.701**	**95.239**	
1	Đường Khóm 7 (Đường huyện 45)	Phường 1	Rộng 3,5m; dài 750m	2021-2022	2577/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	1.788	1.788	1.680	1.680		1	1.679	
2	Nâng cấp Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Trưng Trắc đến 30 tháng 4)	Phường 1	Dài 103,5m, rộng:16m	2023-2025	3059/QĐ-UBND, ngày 01/12/2022	1.520	1.520	1.520	1.520		-	1.520	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 - 2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 đến năm 2025 (sau khi điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
3	Nâng cấp Đường 30/4 (đoạn từ cầu Vĩnh Châu đến Nam Sông Hậu)	Phường 1	Dài 600m, rộng: 16m	2023-2024	3067/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	9.218	9.218	9.218	9.218		2.511	6.707	
4	Lộ đal Soài Côn - Vĩnh Trung	Phường 2	Dài 4.200m, rộng: 2,5m	2022-2024	31/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022	7.750	7.750	5.678	5.678		116	5.562	
5	Lộ đal Vĩnh An	Phường 2	Dài 2.000m, rộng: 3m	2024-2025	3077/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	3.570	3.570	3.570	3.570		379	3.191	
6	Đường Lê Văn Tư (đoạn từ Cầu Lê Văn Tư - Cầu kênh Vĩnh Châu)	Khánh Hòa	rộng 3,5m dài 1.390m	2021-2022	2578/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	3.400	3.400	2.893	2.893		-	2.893	
7	Nâng cấp lộ Kênh Ven	Khánh Hòa	Dài 4.300m, rộng: 3,5m	2023-2025	3007/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	6.830	6.830	6.830	6.830		715	6.115	
8	Cầu kênh Trà niên (Đường huyện 45)	Khánh Hòa	Dài 72m, rộng: 4m	2022-2024	3357/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	6.586	6.586	6.185	6.185		1	6.184	
9	Cầu Om Trà Nỏ	Vĩnh Tân	Rộng 4m	2021-2022	2572/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	4.117	4.117	3.780	3.780		10	3.770	
10	Xây dựng các cầu trên tuyến Đường huyện 42	3 xã	Rộng 4m	2021-2022	2575/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	5.570	5.570	5.350	5.350		12	5.338	
11	Lộ Cơ nhất	Vĩnh Tân	Dài 2.360m, rộng: 3m	2024-2025	3068/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	5.840	5.840	5.840	5.840		856	4.984	
12	Nâng cấp lộ Ca Lạc - Lền Buối	Lạc Hòa	Dài 4.000m, rộng: 3m	2023-2025	3076/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	4.800	4.800	8.100	8.100		-	8.100	
13	Lộ Vĩnh Thạnh A (Từ huyện lộ 43 đến Sông Trà Niên) nối dài	Vĩnh Hải	Dài 1.636m, rộng: 3m	2022-2024	29/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022	2.200	2.200	1.850	1.850		-	1.850	
14	Lộ từ Trạm Kiểm lâm đến Giáp Nước (ấp Huỳnh kỳ)	Vĩnh Hải	Dài 1.636m, rộng: 3m	2023-2025	3075/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	4.250	4.250	4.250	4.250		1.086	3.164	
15	Xây dựng các cầu trên tuyến đường Thạch Sao	Hòa Đông	rộng 4m	2021-2022	2576/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	3.316	3.316	3.052	3.052		-	3.052	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 - 2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 đến năm 2025 (sau khi điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
16	Lộ Thạch Sao đến Năm Chích - Giầy Lăng	Hoà Đông	Dài 4.400m, rộng: 3m	2023-2025	3004/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	2.480	2.480	2.480	2.480		183	2.297	
17	Lộ Nguyễn Út	Hoà Đông	Dài 3.195m, rộng: 3m	2023-2025	3069/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	6.425	6.425	6.425	6.425		509	5.916	
18	Lộ cặp kênh đường cày	Vĩnh Hiệp	Dài 1.800m, rộng: 3m	2024-2025	3070/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	4.150	4.150	4.150	4.150		-	4.150	
19	Lộ cặp Kênh KD4	Vĩnh Hiệp	Dài 2.900m, rộng: 3m	2023-2025	3003/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	3.600	3.600	3.600	3.600		268	3.332	
20	Lộ từ UBND xả cũ đến Đường Huyện 40	Vĩnh Hiệp	Dài 3.350m, rộng: 3m	2021-2022	2580/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	8.294	5.310	6.687	6.687		54	6.633	
21	Nâng cấp Đường 30/4 (đoạn từ cầu Vĩnh Châu 1đến đường Huyện 43)	Phường 1	Dài 1.150m, rộng 14m	2024-2025	2223/QĐ-UBND, ngày 09/9/2024	14.462	14.462			8.802		8.802	
II	**Giáo dục**					**28.530**	**28.530**	**28.052**	**28.052**	**110**	**1.635**	**26.527**	
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên (4 phòng học)	Phường 1	4 phòng	2021-2022	2582/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	2.230	2.230	2.000	2.000		-	2.000	
2	Trường Tiểu học 2, Phường 1 (8 phòng chức năng)	Phường 1	8 phòng	2021-2022	2585/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	4.610	4.610	4.290	4.290		-	4.290	
3	Trường Tiểu học Vĩnh Tân 1 (điểm lẽ Năm căn)	Vĩnh Tân	6 phòng	2023-2025	3000/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	7.900	7.900	7.900	7.900		492	7.408	
4	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 2 (điểm chính)	Vĩnh phước	6 phòng	2022-2024	30/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022	3.820	3.820	3.392	3.392		64	3.328	
5	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 3 (điểm chính)	Vĩnh phước	6 phòng và công trình phụ	2023-2025	3005/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	7.970	7.970	7.970	7.970		1.079	6.891	
7	Đối ứng vốn dự án các trường học từ nguồn XSKT tỉnh hỗ trợ	Thị xã		2022-2025		2.000	2.000	2.500	2.500	110	-	2.610	
III	**Văn hóa**					**14.992**	**14.992**	**14.523**	**14.523**	**-**	**2.167**	**12.356**	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 - 2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 đến năm 2025 (sau khi điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
1	Trung tâm Văn hóa thị xã Vĩnh Châu (đối với vốn tỉnh hỗ trợ)	TVXC	17.837 m2	2021-2023	4175/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020	1.500	1.500	1.500	1.500		550	950	
2	Xây dựng nhà cộng đồng phường Vĩnh Phước	Vĩnh Phước	3 nhà	2021-2022	2573/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	1.134	1.134	740	740		2	738	
3	Xây dựng nhà cộng đồng xã Lai Hòa	Lai Hòa	3 nhà	2021-2022	2574/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	1.198	1.198	1.123	1.123		-	1.123	
4	Nhà Văn hóa xã	Lạc Hòa			3071/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	6.800	6.800	6.800	6.800		709	6.091	
6	Xây dựng nhà cộng đồng xã Vĩnh Hải	Vĩnh Hải	3 nhà	2023-2025		1.200	1.200	1.200	1.200		-	1.200	
7	Xây dựng nhà cộng đồng xã Hòa Đông	Hòa Đông	3 nhà	2023-2025		1.200	1.200	1.200	1.200		-	1.200	
8	Xây dựng nhà cộng đồng Phường 2	Phường 2	3 nhà	2023-2025	3006/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	1.160	1.160	1.160	1.160		106	1.054	
9	Xây dựng nhà cộng đồng Khánh Hòa	Khánh Hòa	3 nhà	2023-2025		800	800	800	800		800	-	
IV	**Quản lý Nhà nước**					**22.340**	**4.690**	**4.154**	**4.154**	**2**	**-**	**4.156**	
a	**Dự án chuyển tiếp**					**15.340**	**3.690**	**3.693**	**3.693**	**2**	**-**	**3.695**	
1	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND Phường 2	Phường 2	01 trệt + 02 lầu	2019-2020	2311/QĐ-UBND, ngày 28/10/2020	7.340	1.510	1.510	1.510	2		1.512	
2	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Vĩnh Phước	Vĩnh Phước	01 trệt + 02 lầu	2019-2020	2314/QĐ-UBND, ngày 28/10/2020	8.000	2.180	2.183	2.183	-		2.183	
b	**Dự án khởi công mới**					**7.000**	**1.000**	**461**	**461**			461	-
1	Trụ sở UBND xã Lạc Hòa	Lạc Hòa	01 trệt + 02 lầu	2021-2023	2581/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	7.000	1.000	461	461	-		461	
V	**Khác**					**10.618**	**10.618**	**8.618**	**8.618**	**-**	**4.218**	**4.400**	
1	Chuẩn bị đầu tư			2021-2025		5.000	5.000	3.000	3.000	-	300	2.700	
2	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán			2021-2025		5.618	5.618	5.618	5.618		3.918	1.700	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 - 2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 đến năm 2025 (sau khi điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
A.2	**NGÂN SÁCH THỊ XÃ TRỢ CẤP MỤC TIÊU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG**					**20.860**	**20.860**	**20.860**	**20.860**	**6.000**	**-**	**26.860**	
	Đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia			2021-2025		20.860	20.860	20.860	20.860	6.000		26.860	
B	**VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO PHÂN CẤP**					**89.453**	**80.237**	**49.200**	**49.200**	**2.612**	**2.612**	**49.200**	
I	**Công trình chuyển tiếp**					**14.335**	**2.000**	**2.930**	**2.930**	**-**	**-**	**2.930**	
1	Đường Trần Hưng Đạo nối dài	Phường 1	542m	2019-2021	130/QĐ-UBND, ngày 17/10/2018	14.335	2.000	2.930	2.930			2.930	
II	**Công trình khởi công mới**					**75.118**	**78.237**	**46.270**	**46.270**	**2.612**	**2.612**	**46.270**	
1	Lộ từ UBND xã cũ đến Đường huyện 40	Vĩnh Hiệp	rộng 3m dài 2.700m	2021-2022	2580/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.200	
2	Lộ cặp Kênh Bảy Nhuận	Vĩnh Hiệp	rộng 3m dài 1.750m	2021-2022	2579/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	2.585	2.260	2.250	2.250			2.250	
3	Nâng cấp Đường số 4	Phường 1	rộng 6m dài 745m	2023-2025	3002/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	3.450	3.450	3.157	3.157		157	3.000	
4	Nâng cấp lộ cơ nhất	Vĩnh Phước	Dài: 2.250m rộng: 3m	2023-2025	2999/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022	4.730	4.730	4.109	4.109	343	-	4.452	
5	Lộ kênh Phèn nối dài giáp lộ Cơ Nhất (Hòa Đông)	Hòa Đông	Dài 2.350m, rộng: 3m	2022-2024	28/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022	4.200	4.200	3.820	3.820		-	3.820	
6	Lộ từ Lẫm Thiết đến Đình Trà Niên	Khánh Hòa	Dài 4.560m, rộng: 3m	2024-2025	3072/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	9.970	9.970	7.976	7.976		2.353	5.623	
7	Lộ No Tom - Xóm mới	Hòa Đông	Dài 5,150m, rộng: 3m	2023-2024	3058/QĐ-UBND, ngày 01/12/2022	10.465	10.465	9.519	9.519	-	102	9.417	
8	Lộ Xóm Ông Trời	Hòa Đông	Dài 630m, rộng: 3m	2024-2025	3073/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	1.050	1.050	840	840	210	-	1.050	
9	Lộ Mù U	Vĩnh Hải	Dài 2.985 m rộng: 3m	2024-2025	3074/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	5.746	5.740	4.600	4.600		-	4.600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 - 2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2021 đến năm 2025 (sau khi điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
10	Lộ Huỳnh Thu	Khánh Hòa	Dài 3110m, rộng: 3m	2023-2024	3057/QĐ-UBND, ngày 01/12/2022	8.120	8.120	6.519	6.519		-	6.519	
11	Nâng cấp Đường 30/4 (đoạn từ cầu Vĩnh Châu 1 đến Đường huyện 43)	Phường 1	Dài 1.150m, rộng 14m	2024-2025	2223/QĐ-UBND, ngày 09/9/2024	14.462	14.462			2.059		2.059	
12	Nâng cấp Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường 30/4 đến Quốc lộ Nam Sông Hậu)	Phường 1	Dài 1.300m, rộng: 12m	2024-2025	2252/QĐ-UBND, ngày 29/9/2023	12.590	12.590	2.280	2.280	-		2.280	